

# CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 13 tháng 05 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng				
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6		
Hôm trước chuyển sang					0		
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày					20,000	282	5,640,000
Được chi trong ngày							5,640,000
Đã chi trong ngày							5,640,000
<b>1. Dịch vụ</b>							<b>423,000</b>
1	chất đốt		1,500	282	423,000		
2			0	82	0		
<b>2. Kho</b>							<b>846,030</b>
<b>    Ăn chính</b>							<b>846,030</b>
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	25.5	395,250		
2	Dầu lạc	Kg	120,000	1.5	180,000		
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.6	44,400		
4	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000		
5	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.59	36,580		
6	Dầu simply	Lít	68,000	1.6	108,800		
7	Đường kính	Kg	32,500	2	65,000		
<b>3. Đi chợ</b>							<b>4,370,970</b>
<b>    Ăn chính</b>							<b>4,370,970</b>
1	Bí đao (bí xanh)	Kg	18,000	15	270,000		
2	Cà chua	Kg	25,000	3	75,000		
3	Gấc	Quả	30,000	1	30,000		
4	Giá đậu xanh	Kg	18,000	1	18,000		
5	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000		
6	Me chua	Kg	40,000	1	40,000		
7	Rau mồng tơi	Kg	20,000	2	40,000		
8	Tỏi	Kg	50,000	0.1	5,000		
9	Thịt bò loại I	Kg	240,000	2	480,000		
10	Tôm biển	Kg	170,000	8	1,360,000		
11	Đậu Phụ	Kg	25,000	10	250,000		
12	Lá chanh	Kg	1,000	0.97	970		
13	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000		
14	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2	260,000		
15	Bầu xanh	Kg	15,000	6	90,000		
16	Sữa chua	Ổng	5,000	282	1,410,000		
Chênh lệch cuối ngày							0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo



